

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2026/DS-PT
Ngày: 13 - 3 - 2026
“V/v tranh chấp QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Trung**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hưng** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Thị Xa Riêng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 803/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Hồ Hải Q, sinh năm 1970 (Có mặt).

1.2. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà L, theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2025: Ông Võ Thanh V, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: số A, ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1974 (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976 (có mặt).

Người đại diện cho bà Nguyễn Thị C theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2026: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C: Luật sư Võ Ngọc K, là Luật sư của Công ty TNHH MTV P, thuộc Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1955 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Hồ Thị N:

3.1.1. Võ Hoàng G, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

3.1.2. Võ Hậu G1, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

3.1.3. Võ Thị Tiền G2, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

3.1.4. Võ Thị M, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

3.1.5. Võ Hoàng A, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông Hồ Văn L1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long

3.3. Bà Hồ Thị G3, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: khóm G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2024 của nguyên đơn là ông Hồ Hải Q, bà Đinh Thị L và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Thanh V là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2002 ông Hồ Văn T đánh gây thương tích cho ông Hồ Hải Q nên ông T thỏa thuận bồi thường cho ông Quân số tiền 40.000.000đồng và ông Q không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý. Ông T đã bồi thường số tiền 15.000.000đ, còn lại 25.000.000đ thì vào ngày 22/4/2002 vợ chồng ông Hồ

Văn T, bà Nguyễn Thị C thỏa thuận giao quyền sử dụng đất chiết thửa 938, loại đất Q, diện tích 1.990m² trong tổng diện tích 2.880m² tọa lạc ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Hồ Văn M1 Ú đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chỉnh lý mặt 04 cho ông Hồ Văn T để trừ số tiền 25.000.000đ. Việc thỏa thuận này có lập giấy tay và xác nhận của chính quyền địa phương, ông Q quản lý sử dụng từ ngày 22/4/2002 đến năm 2019 thì ông T hái dừa đem bán, ông Q ngăn cản nên xảy ra tranh chấp, ông Q có báo chính quyền địa phương lập biên bản vào ngày 21/02/2024 và 14/3/2024. Ngày 20/4/2011 ông Q kê khai đăng ký nhập diện tích 1.990m² vào chung diện tích đất của ông Q nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất và buộc ông Hồ Văn T và Nguyễn Thị C giao diện tích đất 1803.1m² thửa tách 116-1 (tách 938), loại đất CLN gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Bị đơn ông T, bà C trình bày: Phần đất 1803.1m² thửa tách 116-1 (tách 938), loại đất CLN gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T là ông Hồ Văn M1 Ú đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có quyền giao cho ông Q và bà L sử dụng, việc ký Giấy thỏa thuận giao quyền sử dụng đất ngày 22/4/2022 và cam kết không có hiệu lực vì ông Hồ Văn M1 Ú đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cam kết giao đất là chỉ thế chấp để trả số tiền 25.000.000đồng bồi thường việc gây thương tích cho ông Q nhưng sau đó ông T đã trả đủ 25.000.000 đồng cho ông Q nhưng không có làm giấy tờ, nên đã lấy lại phần đất này sử dụng vào việc thờ cúng cho đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn L1, bà Hồ Thị Mỹ H, bà Hồ Thị G3, Võ Hoàng G, Võ Hậu G1, Võ Thị Tiên G2, Võ Thanh M2, Võ Hoàng A trình bày: Không yêu cầu gì đối với phần đất 1803.1 m² thửa tách 116-1(tách 938), loại đất CLN gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và thống nhất giao phần đất này cho ông Hồ Hải Q đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì khi ông M1 Ú mất đã chia phần di sản cho các con xong, phần đất nay là thỏa thuận của Q và T nên ông T nên thực hiện cam kết giao ước.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các điều 26, 35, 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 236 của Luật đất đai năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H1 |H và bà Đinh Thị L

1. Công nhận quyền sử dụng phần đất diện tích đất 1803.1 m² thửa tách 116-1 (tách 938), loại đất CLN gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cho vợ chồng ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L.

2. Buộc vợ chồng ông Hồ Văn T và Nguyễn Thị C giao diện tích đất 1803.1 m² thửa tách 116-1 (tách 938), loại đất CLN gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cho vợ chồng ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L

Ông Hồ Hải Quân và bà Đinh Thị L được quyền sở hữu đối với tài sản 24 cây dừa trên 25 tuổi và 45 cây dừa từ 05 đến 25 năm tuổi theo biên bản định giá 27/3/2025. Ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13/10/2025, ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày là phần đất tranh chấp bị đơn đã bán cho nguyên đơn để trừ nợ. Nguyên đơn đã sử dụng đất từ năm 2002 đến năm 2011 đo đạc Vlap thì nguyên đơn nhập phần đất này vào đất của nguyên đơn nhưng bị đơn không ký tên nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019 thì bị đơn tự ý đến phần đất này để hái trái cây và không cho nguyên đơn sử dụng đất.

Bị đơn trình bày trước đây có đánh nguyên đơn bị thương nên đồng ý bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 40.000.0000 đồng, bị đơn đã bồi thường được 15.000.000 đồng nên vào năm 2002 bị đơn có ký tên vào giấy thỏa thuận giao quyền sử dụng đất và tờ cam kết nhưng chỉ để tạm giao cho nguyên đơn sử dụng đất, sau đó bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng nhưng không làm giấy. Nguyên đơn sử dụng đất từ năm 2002 đến năm 2011 thì bị đơn sử dụng đất cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn L1, bà Hồ Thị Mỹ H, bà Hồ Thị G3 trình bày các ông bà là anh chị em ruột với ông Q và ông

T. Sự việc ông T đánh ông Q bị thương nên ông T bán đất cho ông Q để trừ nợ là đúng.

Các đương sự đều thừa nhận cha mẹ chết từ năm 1991, phần đất tranh chấp là do cha là ông Hồ Văn M1 Ú kê khai và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp hiện nay trên đất chỉ có cây trồng và nhà mộ của cha mẹ, ngoài ra không còn tài sản gì khác, nhà của nguyên đơn và bị đơn là ở bên cạnh phần đất tranh chấp.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn M1 Ú do bị đơn giữ, còn bị đơn cho rằng do nguyên đơn giữ nhưng các đương sự không có chứng cứ chứng minh.

Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Bị đơn giao đất cho nguyên đơn để canh tác; Tờ cam kết năm 2002 không thể hiện chuyển nhượng thửa đất nào; thời điểm đó ông Hồ Văn M1 Ú còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bị đơn không có quyền chuyển nhượng đất. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 13/10/2025 của bị đơn là ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Võ Hoàng G, Võ Hậu G1, Võ Thị Tiền G2, Võ Thanh M2, Võ Hoàng A xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguồn gốc đất là thuộc thửa đất số 937, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.640m² loại đất cây ăn quả; thửa đất số 938, tờ bản đồ số 2, diện tích 4730m², loại đất thổ quả; thửa đất số 995A, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.600m² đất ruộng 2 lúa, tọa lạc ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Hồ Văn M1 Ú được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/1993. Tại trang 4 những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận có nội dung là theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thừa kế được Chi cục thuế xác nhận ông Hồ Văn Mười Ú (chết) nay các con được thừa kế: Năm 2001, Hồ Văn T: C – 2880m² -TQ; chiết 937 – 680m² - Q; chiết 995A -2170m² - 2L. Hồ Hải Q: Chiết 938 – 1850m² – Q; chiết 937 – 960m² – Q; chiết 995A – 3920m² – 2L. Vậy ông Mười Ú còn lại sử dụng hợp pháp thửa: 995A – 2510m² – 2L. Năm 2005, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 382 được UBND huyện T phê duyệt cho Hồ Văn M1 Ú chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Hàn Viết C1. Ngày 19/4/2024, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thông tin thửa đất số 938, tờ bản đồ số 2 chương trình đất (thửa 116, tờ bản đồ số 12 VLAP), đất tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động trang 4 sang tên ông Hồ Hải Q chiết thửa đất số 938 – 1850m² – Q; thửa 116, tờ bản đồ số 12 VLAP chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2002, ông Hồ Văn T đánh ông Hồ Hải Q bị thương phải điều trị với tổng số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, hai bên thỏa thuận là vợ chồng ông T bồi thường cho ông Q nhưng ông T chỉ bồi thường được số tiền 15.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng. Ngày 22/4/2002, vợ chồng ông T thỏa thuận giao quyền sử dụng đất thửa 938, loại đất Q, diện tích 1.990m², tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Hồ Văn M1 Ú đứng tên để trừ số tiền 25.000.000 đồng. Thỏa thuận này có làm giấy tay, có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông T có ký tờ cam kết có nội dung là ông T cam kết với ông Q là từ ngày 30/4 đến 30/10/2002 ông T phải chuyển quyền sử dụng đất cho ông Q nếu không ông T phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Trong thời gian 6 tháng nếu ông Q bán cho ai, ông T phải đồng ý ký tên sang bán.

Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, phần đất tranh chấp thuộc thửa tách 116-1

(tách 938), diện tích 1803,1m², loại đất CLN, gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1. Phần đất tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long).

Nguồn gốc đất là của ông Hồ Văn M1 Ú để lại là thửa đất số 938, tờ bản đồ số 2, diện tích 4730m², loại đất thổ quả, đến năm 2001 đã được chỉnh lý trang 4 Giấy chứng nhận nên thời điểm năm 2002 vợ chồng ông T làm giấy tay chuyển nhượng cho ông Q là đúng. Ông T cho rằng ông đã trả số tiền còn lại là 25.000.000 đồng cho ông Q nhưng ông không cung cấp chứng cứ để chứng minh. Ông Q đã quản lý, sử dụng đất từ năm 2002, đến năm 2011 ông Q kê khai đăng ký nhập diện tích 1.990m² vào chung diện tích đất của ông Q. Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc vào năm 2002 ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Q là có thật, vào thời điểm đó phần đất tranh chấp ông T đã được chỉnh lý đứng tên tại trang 4 Giấy chứng nhận nên ông T chuyển nhượng cho ông Q là đã có hiệu lực pháp luật. Cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Từ những căn cứ trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T, bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[4] Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C, Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 236 của Luật đất đai năm 2024; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L:

- Công nhận quyền sử dụng phần đất diện tích đất 1803.1m² thửa tách 116-1 (tách 938), loại đất CLN gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cho vợ chồng ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L.

- Buộc vợ chồng ông Hồ Văn T và Nguyễn Thị C giao diện tích đất 1803.1 m² thửa tách 116-1 (tách 938), loại đất CLN gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,1 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/6/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cho vợ chồng ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L.

Vợ chồng ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L được quyền sở hữu đối với tài sản 24 cây dừa trên 25 tuổi và 45 cây dừa từ 05 đến 25 năm tuổi theo biên bản định giá 27/3/2025.

Vợ chồng ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Hồ Văn T và Nguyễn Thị C nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Trả lại cho ông Hồ Hải Q và bà Đinh Thị L số tiền 2.538.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số N₀ 0011307 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị C mỗi người đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0005355 và 0005354 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên được trừ qua.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa phúc thẩm TANDTC
- Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND khu vực 4: 01;
- Phòng THADS khu vực 4: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Trang Lê Thành Trung

Nguyễn Văn Dũng

